

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 57/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng

dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV VPUBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, T6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 79 /2025/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập, bao gồm:

- Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên cơ sở khai thác và sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin của tỉnh.
- Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp và không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp.
- Phối hợp xác minh, xử lý vi phạm, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.
- Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn cấp tỉnh).
- Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh.
- Ban Quản lý Khu kinh tế.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

2. Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin một cách rộng rãi, không thu phí.

4. Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh là hoạt động xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

5. Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. Giám sát doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc các cơ quan quản lý nhà nước theo nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành theo dõi, quan sát mang tính chủ động thường xuyên đối với hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi, địa bàn phụ trách nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật.

7. Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

8. Cơ quan chức năng là cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

9. Cơ quan đăng ký kinh doanh:

a) Ở cấp tỉnh: Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể thuộc Sở Tài chính (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh).

b) Ở cấp xã: Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).

Điều 4. Mục tiêu

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ

kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Tạo điều kiện đảm bảo cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, đồng thời tăng cường trách nhiệm giám sát các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong quá trình hoạt động.

3. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

4. Góp phần xây dựng, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan chức năng; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai, cập nhật thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc trao đổi và sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và chỉ phục vụ cho công tác quản lý nhà nước; ưu tiên sử dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu tích hợp, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và tuân thủ quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu số theo quy định hiện hành.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra. Đảm bảo mỗi đối tượng được thanh tra, kiểm tra chỉ không quá một lần trong năm, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng; kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh:

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp gồm: tên; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh gồm: tên, số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh; vốn kinh doanh; đại diện hộ kinh doanh và các thông tin đăng ký khác của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh:

a) Đối với doanh nghiệp bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; đang làm thủ tục phá sản; đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại.

b) Đối với hộ kinh doanh bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; đã chấm dứt hoạt động.

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, quản lý thuế, bảo hiểm xã hội và pháp luật chuyên ngành khác; việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, các hình thức chế tài (nếu có), Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh:

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Tài chính cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác chuyên môn.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan;

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh để phục vụ công tác chuyên môn.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của hộ kinh doanh, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để yêu cầu hộ kinh doanh thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh theo quy định. Sau khi hộ kinh doanh đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

2. Định kỳ hàng tháng, Sở Tài chính có trách nhiệm công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên website của Sở Tài chính. Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này (không bao gồm thông tin về tình trạng pháp lý).

3. Định kỳ hàng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý trên website của Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung thông tin đăng ký hộ kinh doanh công khai gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này (không bao gồm thông tin về tình trạng pháp lý).

4. Các cơ quan chức năng có thể tra cứu thông tin đăng ký doanh nghiệp và các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn, bao gồm:

a) Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

b) Tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trên địa bàn khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

2. Thuế tỉnh định kỳ trước ngày 31/12 hàng năm có trách nhiệm cung cấp thông tin các doanh nghiệp ngừng hoạt động quá 01 năm mà không thông báo với cơ quan thuế gửi Sở Tài chính để tiến hành rà soát, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Thuế cơ sở định kỳ trước ngày 31/12 hàng năm có trách nhiệm cung cấp thông tin các hộ kinh doanh ngừng hoạt động tại địa chỉ đăng ký quá 6 tháng mà không thông báo với cơ quan thuế gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để tiến hành rà soát, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính định kỳ hàng quý, trên cơ sở khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có trách nhiệm công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên website của Sở Tài chính để các cơ quan chức năng tra cứu và thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Nội dung công khai gồm: tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở và tình trạng pháp lý quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hàng quý, trên cơ sở khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh có trách nhiệm công khai thông tin về tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh thuộc địa bàn quản lý trên website của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Nội dung công khai gồm: tên hộ kinh doanh; mã số hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở và tình trạng pháp lý quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, Thuế tỉnh và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

2. Khuyến khích các cơ quan chức năng trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin trên website của cơ quan, đơn vị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính có trách nhiệm công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư trên website của Sở Tài chính. Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

2. Cơ quan Thuế có trách nhiệm công khai danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế trên website của ngành.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai danh sách các hộ kinh doanh trên địa bàn có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của các Luật có liên quan trên website của Ủy ban nhân dân cấp xã. Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, họ và tên chủ hộ kinh doanh hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

4. Ngoài các cơ quan quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan chức năng khác có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, hộ kinh doanh, các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý trên website của ngành. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, họ và tên chủ hộ kinh doanh, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng dữ liệu điện tử qua mạng điện tử.

2. Các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên nền tảng dữ liệu số dùng chung của tỉnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin chuyên ngành khác và cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định. Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN, NGÀNH, NGHỀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; xử lý vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài gồm: phối hợp xử phạt; yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan xây dựng dự thảo Kế hoạch thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về chủ trương, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra.

2. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của các hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý kịp thời hành vi vi phạm; trường hợp cần thiết thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra.

Đối với Kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Ủy ban nhân dân cấp xã, của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phải gửi cho Thanh tra tỉnh và cơ quan thanh tra có liên quan nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp.

3. Thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

4. Khi tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra, trường hợp có sự chồng chéo, trùng lặp thì cơ quan tiến hành thanh tra và cơ quan thực hiện kiểm tra phối hợp để xử lý. Trường hợp không thống nhất được thì cơ quan thanh tra tiến hành thanh tra theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15.

5. Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong cùng 01 năm, trừ trường hợp thanh tra đột xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15.

6. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp về đối tượng; gửi cho Thanh tra tỉnh để tổng hợp, theo dõi; đồng thời thông báo cho các cơ quan có trùng lặp về đối tượng biết để phối hợp thực hiện.

7. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra không thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải được công khai, gửi trước tới đối tượng được thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh:

a) Tổ chức thực hiện công tác thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định tại Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 và Nghị định số 216/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.

b) Số lần thanh tra theo kế hoạch đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp thanh tra đột xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15.

c) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cử người có chuyên môn phù hợp tham gia Đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh khi cần thiết.

d) Đề nghị Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, chấn chỉnh, khắc phục sai phạm trong ngành, lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý do Thanh tra tỉnh phát hiện qua thanh tra.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định tại Chương III Nghị định số 217/2025/NĐ-CP về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

b) Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh giao một cơ quan chủ trì hoặc các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ, công chức tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

3. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo các Phòng, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra đảm bảo nội dung và tiến độ; đảm bảo khi tiến hành kiểm tra phải có quyết định của người có thẩm quyền; không kiểm tra kéo dài; tránh tình trạng kết thúc kiểm tra chậm ban hành kết luận, kết luận không rõ; thực hiện nghiêm túc quy định công khai kết quả kiểm tra và xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên cổng thông tin điện tử của đơn vị mình để phòng ngừa chung và đảm bảo điều kiện nhân dân giám sát hoạt động kiểm tra của nhà nước.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành theo đúng thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định phải thu hồi Giấy chứng nhận, cơ

quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

3. Sau khi nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận phải được thể hiện bằng văn bản, trách nhiệm cụ thể:

a) Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp. Các cơ quan này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị:

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời về việc văn bản do cơ quan có thẩm quyền đó cấp bị giả mạo;

- Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo.

b) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó;

c) Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện phối hợp xác minh tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế khi có yêu cầu; cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đồng thời kịp thời thông báo cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế khi phát hiện doanh nghiệp ngừng hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh hoặc có hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa bàn quản lý, xác minh doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế.

4. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo khoản 3 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật. Đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký địa chỉ trụ sở.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chức năng là cơ quan chuyên ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Trường hợp thu hồi, rút, đình chỉ Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp để kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chức năng là cơ quan chuyên ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính và đề nghị Sở Tài chính chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Trường hợp thu hồi, rút, đình chỉ Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho hộ kinh doanh để kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cơ quan chức năng là cơ quan chuyên ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

4. Khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chức năng quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 03 ngày cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu. Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.

5. Khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chức năng quy định tại khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế,

Hạ tầng và Đô thị ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu. Trường hợp hộ kinh doanh không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế phối hợp xử lý đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong khu công nghiệp, khu kinh tế; cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu quản lý theo thẩm quyền.

Chương IV

PHỐI HỢP BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập (số lượng, quản lý chuyên ngành, tình hình chung sản xuất kinh doanh, các nội dung khác có liên quan).

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

- a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
- b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
- c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước, đồng thời đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập. Báo cáo của các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã được gửi về Sở Tài chính để tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Quy chế này, gửi nội dung báo cáo tới Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 01 hàng năm để tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp, xây dựng báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh của năm liền trước, bao gồm đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Kinh phí triển khai, thực hiện Quy chế

Kinh phí bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập quy định tại Quy chế này của các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ đôn đốc, theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức thực hiện Quy chế trong phạm vi quản lý; phối hợp cung cấp thông tin và báo cáo theo quy định.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề xuất, các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.